TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2017/DSST
Ngày 04/10/2017
"V/v tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Văn Đương
Ông Mai Thanh Chúc
- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2014/TLST-DS ngày 05/12/2014 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXXST- DS ngày 06/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2017/QĐST-DS ngày 22/9/2017 giữa các đương sự:

Các đồng nguyên đơn:
1/ Ông Lý Văn S, sinh năm 1962 (Có mặt).
Tên gọi khác: Lý Văn B.
2/ Bà Lý Thị H, sinh năm 1960 (Có mặt).
3/ Bà Lý Thị L sinh năm 1967 (Có mặt).
Địa chỉ: Cùng ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
4/ Anh Thạch Ngọc D, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
Chị Thạch Thị Mỹ D, sinh năm 1972, Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền của anh D (theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2015, (Có mặt).
5/ Chị Thạch Thị Mỹ D, sinh năm 1972 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã Tân H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
6/ Anh Hà Thanh H, sinh năm 1985.
7/ Chị Hà Thị Bé N, sinh năm 1994.
8/ Chị Hà Thị Ngọc P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Cùng ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Ông Hà Văn R, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp L, xã Nh, huyện C, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền của anh H, chị N, chị P (theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2015) (Có mặt).

Tên gọi khác: Hà Văn S.

Bị đơn: Bà Lý Thị H1, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Thạch Thị Thanh H, sinh năm 1979 (Có mặt).

2/ Anh Thạch T, sinh năm 1976 (Có mặt).

Tên thường dùng: Thạch H

Địa chỉ: Cùng ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh

3/ Bà Lý Thị N, sinh năm 1952.

Anh Thạch C, sinh năm 1986, địa chỉ: Cùng ấp L, xã Nh, huyện C, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền của bà N (theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2015) (Có mặt).

4/ Tiểu ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình đường dây 500kV nhiệt điện Duyên Hải – Mỹ Tho huyện Cầu Ngang: Ông Nguyễn Thanh N, Phó Trưởng tiểu ban làm đại diện (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/3/2015 và lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đồng nguyên đơn cùng trình bày: Cha mẹ các ông bà là cụ Lý S (chết năm 2005) và cụ Thạch Thị Sa M (Thạch Thị K) (chết năm 2012) có 07 người con là bà Lý Thị N, bà Lý Thị S (chết năm 1976) có con là anh Thạch Ngọc D và chị Thạch Thị Mỹ D, bà Lý Thị H1, bà Lý Thị H, ông Lý Văn S, bà Lý Thị L, bà Lý Thị C (chết năm 2013) có con là Hà Thanh H, Hà Thị Bé N, Hà Thị Ngọc P. Khi cha mẹ còn sống, các con có gia đình ra riêng thì cha mẹ có chia tài sản cho các con xong, còn lại thửa đất số 820 tờ bản đồ số 10, diện tích 5.250 m^2 loại đất cây lâu năm tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện C được cấp cho hộ bà Thạch Thị K đứng tên vào năm 1996 thì chưa chia. Sau khi cụ S và cụ K chết thì có để lại di chúc chung được lập ngày 06/5/2004 là chia đều 5 phần cho bà Lý Thị H, Lý Văn S, bà Lý Thị C, bà Lý Thị L và anh Thạch Ngọc D là con của bà Lý Thị S mỗi người 1.050m^2. Lúc thực hiện di chúc chia đất thì bà Lý Thị H1 không đồng ý mà phải chia đều cho bà một phần và trên phần đất của cha mẹ thì có Thạch Thị Thanh H là con bà H1 đang sử dụng 319m^2 làm nhà ở, bà H1 yêu cầu trừ ra. Nên nay các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, chị H không thuộc diện thừa kế nên phải dỡ nhà trả đất, nhưng hiện nay là nhà cơ bản nên các đồng nguyên đơn yêu cầu chị H phải trả giá trị đất. Trên phần đất các bên đang tranh chấp chia thừa kế thì Nhà nước có đầu tư đường dây điện 500kV và 220kV đi ngang phần không gian trên đất, ông Lý Văn S đã nhận tiền bồi hoàn đường dây điện 220kV là 89.992.200 đồng và 15 chỉ vàng 24K người khác chuộc đất đã cho bà Lý Thị N 2,5 chỉ vàng 24K để trị bệnh,

còn lại là đã làm nhà mồ cho ông bà cụ, đường dây điện 500kV bồi thường 30.202.000 đồng ông Lý Văn S kê khai nhưng chưa nhận tiền.

Bị đơn bà Lý Thị H1 có đơn yêu cầu chia di sản và có lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: thống nhất về quan hệ gia đình, về di sản mà cha mẹ chết để lại chưa chia là thửa đất số 820 tờ bản đồ số 10, diện tích 5.250 m^2 loại đất cây lâu năm tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện C được cấp cho hộ bà Thạch Thị Sa M đứng tên vào năm 1996. Ngoài ra bà H1 khai còn có 15 chỉ vàng 24K người khác chuộc đất do bà Lý Thị L và ông Lý Văn S quản lý, đất thì vợ chồng Thạch Thị Thanh H và Thạch T quản lý sử dụng một phần làm nhà ở. Bà cho rằng di chúc không đúng nên bà không thống nhất mà yêu cầu chia theo pháp luật phần đất của cha mẹ để lại. Riêng phần đất Thạch Thị Thanh H đang ở là lúc cụ S và cụ K còn sống đã cho chị H. Nay bà H1 yêu cầu xin hưởng 650m^2 phía sau tiếp giáp nhà chị H đang ở và 02 chỉ vàng 24K, trên phần đất các bên đang tranh chấp chia thừa kế thì Nhà nước có đầu tư đường dây điện 500kV và 220kV đi ngang phần không gian trên đất, ông Lý Văn S đã nhận tiền bồi hoàn, bà H1 yêu cầu ông S nhận tiền thì nhận đất phần đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Thạch Thị Thanh H trình bày: Vào năm 1998 thì ông bà ngoại là cụ S và cụ K đã cho vợ chồng chị một phần đất để ở không có nói rõ diện tích bao nhiêu, muốn ở bao nhiêu ở, không tách quyền sử dụng, nay chị không đồng ý trả giá trị đất theo yêu cầu của các đồng thừa kế mà xin được hưởng phần đất này theo đo đạc định giá là 319 m^2.

Anh Thạch T thống nhất theo lời trình bày cuả chị Hiền.

Anh Thạch C là đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị N trình bày: Anh và mẹ anh không tranh chấp đất trong hộ gia đình và mẹ anh cũng không yêu cầu chia thừa kế.

Ông Nguyễn Thanh N, phó Phòng tài chính kế hoạch huyện Cầu Ngang – phó Trưởng tiểu ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình đường dây 500kV nhiệt điện Duyên Hải – Mỹ Tho huyện Cầu Ngang trình bày: Vào năm 2014 Nhà nước đầu tư công trình đường dây 220kV và 500kV nhiệt điện Duyên Hải – Mỹ Tho huyện Cầu Ngang thì hai đường dây điện này đi qua phần không gian trên thửa đất số 820 tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh do cụ Thạch Thị K đứng tên (cụ K đã chết), anh chị em của ông Lý Văn S (Lý Văn B) và bà Lý Thị H1 đang tranh chấp chia thừa kế nên bà Lý Thị H1 đứng tên kê khai phần thiệt hại: Đường dây điện 220kV thiệt hại về không gian trên đất là 1.145,1 m^2 giá trị bồi thường là 82.447.200 đồng, thiệt hại về cây trên đất là 7.545.000 đồng, tổng cộng là 89.992.200 đồng. Sau đó thì ông Lý Văn S đã nhận tiền xong.

Phần đường dây điện 500kV do ông Lý Văn B đứng tên kê khai thiệt hại về không gian trên đất 466,70 m^2, giá trị đất là 100.000 đồng/ m^2, bồi hoàn 30% giá trị đất thiệt hại là 14.001.000 đồng và hỗ trợ 30% về giá trị đất là 14.001.000 đồng, tổng cộng phần đất bồi hoàn là 28.002.000 đồng, ông Lý Văn S đứng tên kê khai thiệt hại về cây trên đất là 2.200.000 đồng. Do các bên đang tranh chấp nên số tiền bồi hoàn đường dây điện 500kV chưa chi trả, hiện tại chủ đầu tư đang quản lý tiền bồi hoàn, Tiểu ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình đường dây 500kV nhiệt điện Duyên Hải – Mỹ Tho huyện Cầu Ngang không có quản lý. Sau

khi có quyết định của Tòa án thì Tiểu ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện Cầu Ngang sẽ liên hệ với Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án các công trình quản lý Điện Miền Nam để chi trả cho người được hưởng.

Phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng di sản thừa kế là thửa đất 820 diện tích 5.409 m^2(theo đo đạc thực tế) và 15 chỉ vàng 24K, yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của các đồng nguyên đơn là không có căn cứ, bởi vì di chúc không đúng theo quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu của bị đơn chia thừa kế theo pháp luật, chấp nhận yêu cầu của bị đơn xin hưởng 650 m^2 phía sau tiếp giáp căn nhà của chị H anh T và yêu cầu chia 02 chỉ vàng 24K. Chấp nhận yêu cầu của chị H, anh T được sử dụng phần đất 319 m^2. Bà N từ chối nhận di sản nên không xét. Phần di sản còn lại chia cho các thừa kế còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Các đồng nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế. Đối tượng thừa kế và bị đơn ở tại huyện C, nên đây là tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[2] Về nội dung:

- Xác định di sản thừa kế:

+ Thửa đất số 820 tờ bản đồ số 10, diện tích 5.250 m^2 loại đất cây lâu năm tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện C được cấp cho hộ bà Thạch Thị Sa M (Thạch Thị K) đứng tên vào năm 1996, trong hộ cụ Sa M có cụ Lý S, bà Lý Thị N, anh Thạch C. Bà N và anh C không tranh chấp tài sản của hộ nên đây là tài sản thuộc sở hữu của cụ Sa M và cụ S.

+ Lúc còn sống thì người khác cầm ruộng cho cụ Sa M và cụ S là 15 chỉ vàng 24K, sau khi hai cụ chết thì người khác chuộc ruộng 15 chỉ vàng 24K do ông Lý Văn S và bà Lý Thị L nhận và các đồng thừa kế đều thừa nhận là đúng nên đây cũng là tài sản thuộc sở hữu của cụ Sa M và cụ S.

Căn cứ vào Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về di sản, Điều 163 quy định về tài sản và Điều 181 quyền tài sản của Bộ luật dân sự 2005 thì thửa đất số 820 tờ bản đồ số 10, diện tích 5.230 m^2 và 15 chỉ vàng 24K xác định là di sản thừa kế.

- Di chúc lập ngày 06/5/2004 do cụ Sa M và cụ S để lại, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét thấy di chúc này là không hợp pháp, không có hiệu lực pháp luật, bởi vì: Cụ Lý S và cụ Sa M không biết chữ, không thể hiện ai là người viết thay di chúc, tờ di chúc có thể hiện vị trí tứ cận thửa đất nhưng thời điểm 2004 đã có nhà của vợ chồng chị H anh T ở mà không nói rõ, khi lập di chúc thì không thể hiện ý chí của thành viên trong hộ gia đình vì thửa đất này là cấp cho hộ, mặc khác tại Tòa ông Hà Văn R - chồng của bà Lý Thị C là con rể của hai cụ trình bày khi lập di chúc thì cụ Lý S bị bệnh tai biến đã bị liệt không nói chuyện được, di chúc là do Lý Thị C viết, nên tờ di chúc này không phù hợp theo quy định tại các Điều 649; 650; 655; 658 của Bộ luật dân sự năm 1995, vì vậy được giải quyết thừa kế theo pháp luật.

- Căn cứ vào kết quả đo đạc định giá ngày 28/7/2015, các thừa kế đều thống nhất về diện tích 5.409 m^2 (tăng 159 m^2 so với giấy chứng nhận 5.230 m^2 là do tư liệu tính sai diện tích) và giá trị di sản là 100.000 đồng/ m^2.

- Căn cứ vào Điều 674 Bộ luật dân sự năm 2005 về người thừa kế theo pháp luật thì các con của cụ Lý Sê, cụ Sa Mét được hưởng phần di sản bằng nhau gồm: bà Lý Thị Nương, bà Lý Thị Soai, bà Lý Thị Hạnh, bà Lý Thị Hường, ông Lý Văn Sáu, bà Lý Thị Cảnh, bà Lý Thị Lan.

- Căn cứ Điều 677 Bộ luật dân sự năm 2005 về thừa kế thế vị: " *Trường hợp con của người để lại di sản chết trước người để lại di sản, thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống* ...." nên bà Lý Thị S (chết năm 1976) có con là anh Thạch Ngọc D và chị Thạch Thị Mỹ D được hưởng phần di sản của bà S; bà Lý Thị C (chết năm 2013) có con là Hà Thanh H, Hà Thị Bé N, Hà Thị Ngọc P được hưởng phần di sản của bà C.

Di sản của cụ S và cụ K để lại được chia làm 07 phần bằng nhau, tuy nhiên bà Lý Thị N từ chối nhận di sản nên di sản được chia làm 06 phần.

- Xét về người quản lý di sản: Chị H, anh T là người quản lý và sử dụng 319 m^2 trong khối di sản, anh chị yêu cầu được hưởng 319 m^2 vì anh chị cho rằng ông bà Ngoại là cụ Lý S và cụ K đã cho ở từ năm 1998, nhưng không cho tách thửa sang tên khi hai cụ còn sống, cho nên không thể chấp nhận yêu cầu này của chị H và anh T. Tuy nhiên Căn cứ vào Điều 638; Điều 640 Bộ luật dân sự năm 2005 về người quản lý di sản thì chị H anh T được hưởng một khoản thù lao trong việc quản lý di sản. Hội đồng xét xử xét chấp nhận cho chị H, anh T hưởng trong một phần di sản thừa kế tương đương 31.900.000 đồng = 319 m^2 là phù hợp hơn.

- Xét về yêu cầu của các đồng thừa kế yêu cầu chia hiện vật thửa đất số 820 là phù hợp nên được chia theo hiện vật, tuy nhiên thực tế để chia theo hiện vật thì không thể chia đều nhau mà diện tích có sự chênh lệch, nhưng diện tích chênh lệch nhau không đáng kể nên người nhận di sản có diện tích nhiều hơn không phải trả thêm giá trị cho người nhận di sản ít hơn.

- Xét về yêu cầu của bà Lý Thị H1 yêu cầu được hưởng 650 m^2 tiếp giáp phía sau nhà chị H anh T ở, bà H1 không yêu cầu chia một phần đều nhau, xét thấy yêu cầu này là phù hợp nên được chấp nhận, tuy nhiên về diện tích thực tế thì không thể tính hoàn chỉnh và chính xác nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H1 được hưởng 643 m^2 = 64.300.000 đồng. Còn lại được chia 5 phần, riêng phần đất có đường dây điện đi qua làm thiệt hại phần không gian trên đất thì xét thấy phần thiệt

hại này ông Lý Văn S (Lý Văn B) nhận tiền 89.992.200 đồng và 30.202.000 đồng kê khai nhưng chưa nhận nên xét cho ông Lý Văn S sẽ hưởng phần đất này và nhận số tiền còn lại là 30.202.000 đồng. Cụ thể như sau: Ông Lý Văn S hưởng 822 m^2; bà Lý Thị L hưởng 919 m^2; bà Lý Thị H hưởng 906 m^2; anh Thạch Ngọc D và chị Thạch Thị Mỹ D hưởng 900 m^2; Hà Thanh H, Hà Thị Bé N, Hà Thị Ngọc P hưởng 901 m^2.

- Xét về di sản là 15 chỉ vàng 24 K bà Lý Thị L và ông Lý Văn S đang quản lý, ông S bà L cho rằng đã chi phí xây dựng nhà mồ (Mồ Mã) cho cụ S và cụ K hết số tiền nhà nước bồi hoàn là 89.992.200 đồng và 15 chỉ vàng 24 K này, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh là đã chi phí hết nên lời trình bày này của bà L ông S là không có căn cứ. Tuy nhiên các đồng thừa kế không yêu cầu chia nên không xét, chỉ có bà Lý Thị H1 yêu cầu chia 02 chỉ vàng 24K trong phần di sản 15 chỉ vàng 24 K, xét thấy yêu cầu này là phù hợp tương ứng với một phần mà bà H1 được hưởng theo pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí: Bà Lý Thị L, ông Lý Văn S, bà Lý Thị H, anh Thạch Ngọc D và chị Thạch Thị Mỹ D; anh Hà Thanh H, chị Hà Thị Bé N, chị Hà Thị Ngọc P phải chịu án phí phần di sản được hưởng. Bà Lý Thị H1, chị Thạch Thị Thanh H, anh Thạch T là người dân tộc sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định tại Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về chi phí thẩm định định giá, các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 39 ; Điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 649; 650; 655 của Bộ luật dân sự năm 1995; Căn cứ các Điều 163; 181; 634; 638; 640; 674; 675; 677; 733; 735 của Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp Lệnh số 10/2009-PLUBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn yêu cầu chia di sản theo di chúc. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn chia di sản theo pháp luật.

Ông Lý Văn S được chia 822 m^2; bà Lý Thị L được chia 919 m^2; bà Lý Thị H được chia 906 m^2; anh Thạch Ngọc D và chị Thạch Thị Mỹ D được chia 901 m^2; Hà Thanh H, Hà Thị Bé Ng, Hà Thị Ngọc P được chia 900 m^2; bà Lý Thị H1 được

chia 643 m^2 nằm trong tổng diện tích 5.250 m^2 (thực đo 5.409 m^2) loại đất cây lâu năm, thửa 820, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang cấp cho hộ bà Thạch Thị Sa M (Thạch Thị K) đứng tên vào năm 1996.

Phần đất anh Thạch Ngọc D và chị Thạch Thị Mỹ D được chia 901 m^2 có vị trí tứ cận như sau: (Tạm gọi thửa A).

- Đông giáp hương lộ 18, kích thước 15,5 m.
- Tây giáp đường nhựa, kích thước 15,5 m.
- Nam giáp thửa (B) kích thước 58 m.
- Bắc giáp thửa 1915, kích thước 57,2m.

Phần đất Hà Thanh H, Hà Thị Bé N, Hà Thị Ngọc P được chia 900 m^2 có vị trí tứ cận như sau: (Tạm gọi thửa B).

- Đông giáp thửa 807, kích thước 15,5 m.
- Tây giáp đường nhựa, kích thước 15,5 m.
- Nam giáp thửa (C) kích thước 58 m.
- Bắc giáp thửa (A), kích thước 57,9m.

Phần đất bà Lý Thị H được chia 906 m^2 có vị trí tứ cận như sau: (Tạm gọi thửa C).

- Đông giáp thửa 807, kích thước 15,5 m.
- Tây giáp đường nhựa, kích thước 16,5 m.
- Nam giáp thửa (D) kích thước 56,1 m.
- Bắc giáp thửa (B), kích thước 57,9m.

Phần đất bà Lý Thị L được chia 919 m^2 có vị trí tứ cận như sau: (Tạm gọi thửa D).

- Đông giáp thửa 807, kích thước 17,8 m.
- Tây giáp đường nhựa, kích thước 17,8 m.
- Nam giáp thửa (E) kích thước 51,2 m.
- Bắc giáp thửa (C), kích thước 56,1m.

Phần đất bà Lý Thị H1 được chia 643 m^2 có vị trí tứ cận như sau: (Tạm gọi thửa E).

- Đông giáp thửa 807, kích thước 19,5 m.
- Tây giáp đường nhựa và thửa 820, kích thước 4,4 m +19,8m+15m +23,8 m.
- Nam giáp thửa (F) kích thước 47,8 m.
- Bắc giáp thửa (D), kích thước 51,2 m.

Phần đất ông Lý Văn S được chia 822 m^2 có vị trí tứ cận như sau: (Tạm gọi thửa F) có đường dây điện 500 kV và 220 kV đi qua không gian đất.

- Đông giáp thửa 807, kích thước 17,4 m.
- Tây giáp đường nhựa, kích thước 17,2 m.
- Nam giáp thửa 802, kích thước 47,9 m.
- Bắc giáp thửa (E), kích thước 47,8 m.

Ông Lý Văn S được nhận số tiền Nhà nước bồi hoàn đường dây điện đi qua không gian đất tổng cộng là 30.202.000 đồng.

Buộc ông Lý Văn S và bà Lý Thị L phải chia cho bà Lý Thị H1 02 chỉ vàng 24K mà ông S, bà L đang quản lý.

Chị Thạch Thị Thanh H và anh Thạch T được hưởng một phần tiền quản lý di sản tương đương 31.900.000 đồng, tương đương 319 m^2 hiện tại chị H và anh T đang quản lý gắn liền với nhà cấp 4 do anh chị xây dựng, nên các đồng thừa kế không phải trả 31.900.000 đồng này cho chị H và anh T.

Phần đất chị H anh T sử dụng có vị trí tứ cận như sau: (thửa gốc 820).

- Đông giáp thửa (E), kích thước 15 m.
- Tây giáp đường nhựa, kích thước 16 m.
- Nam giáp thửa (E), kích thước 19,8 m.
- Bắc giáp thửa (E), kích thước 23,8 m.

(Kèm theo sơ đồ thửa đất).

Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, không được thay đổi đất và các tài sản trên đất, dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về chi phí thẩm định, định giá:

- Anh Thạch Ngọc D và chị Thạch Thị Mỹ D phải chịu 1.400.239 đồng.
- Anh Hà Thanh H, chị Hà Thị Bé N, chị Hà Thị Ngọc P phải chịu 1.400.239 đồng.
- Bà Lý Thị H phải chịu 1.400.239 đồng.
- Bà Lý Thị L phải chịu 1.400.239 đồng.
- Bà Lý Thị H1 phải chịu 1.400.239 đồng.
- Ông Lý Văn S phải chịu 1.400.239 đồng. Số tiền này ông Lý Văn S đã nộp xong, hoàn trả ông Lý Văn S 7.001.195 đồng Chi cục thi hành án thu của anh Thạch Ngọc D và chị Thạch Thị Mỹ D; anh Hà Thanh H, chị Hà Thị Bé N, chị Hà Thị Ngọc P; bà Lý Thị H; bà Lý Thị L; bà Lý Thị H1.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Thạch Ngọc D và chị Thạch Thị Mỹ D phải chịu 4.505.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 đồng theo biên lai thu số 0006419 ngày 20/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Anh Thạch Ngọc D và chị Thạch Thị Mỹ D được trả lại số tiền chênh lệch là 745.000 đồng.
- Anh Hà Thanh H, chị Hà Thị Bé N, chị Hà Thị Ngọc P phải chịu 4.500.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 đồng theo biên lai thu số 0006420, 0006421, 0006422 ngày 20/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Anh Hà Thanh H, chị Hà Thị Bé N, chị Hà Thị Ngọc P được trả lại số tiền chênh lệch là 750.000 đồng.
- Bà Lý Thị H phải chịu 4.530.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 đồng theo biên lai thu số 0006417 ngày 20/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Bà Lý Thị H được trả lại số tiền chênh lệch là 720.000 đồng.
- Bà Lý Thị L phải chịu 4.595.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 đồng theo biên lai thu số 0006418 ngày 20/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Bà Lý Thị L được trả lại số tiền chênh lệch là 655.000 đồng.

- Ông Lý Văn S phải chịu phải chịu 5.620.100 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 đồng theo biên lai thu số 0006416 ngày 20/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Ông Lý Văn S còn phải nộp thêm 370.000 đồng.

- Bà Lý Thị H1, chị Thạch Thị Thanh H, anh Thạch T không phải chịu án phí. Bà Lý Thị H1 được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010658 ngày 29/5/2017 của Chi cục thi hành án huyện Cầu Ngang.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Tranh